

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2018

V/v “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh H.

2. Bà Phạm Thị N1.

Thư ký phiên tòa: Ông Quang Minh N là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:

Ông: Lê Quốc H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 T Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2018/TLST – HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lâm Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp V, xã L, huyện Đ, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Trương Hồng T1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp V, xã L, huyện Đ, tỉnh B.

(anh T có mặt, chị T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

T đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng anh Lâm Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2004 anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo anh T xác định trong thời gian chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân khoảng 05 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không tới lui thăm nom nhau và cũng không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay anh xác định không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Về con chung: có 01 người con chung tên Lâm Bảo T2, sinh ngày 20/11/2005, hiện đang sống với chị T1. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho

chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: quá trình thụ lý giải quyết vụ án và T phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tổ tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Cho anh Lâm Văn T được ly hôn với chị Trương Hồng T1.

Về con chung: Giao con chung tên Lâm Bảo T2, sinh ngày 20/11/2005, hiện đang sống với chị T1. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị T1 đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Anh Lâm Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Anh Lâm Văn T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra T phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận T phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lâm Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với Trương Hồng T1, có địa chỉ cư trú T xã L, huyện Đ, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Chị Trương Hồng T1 được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T1.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện yêu thương nhau, nhưng trong thời gian chung sống không hạnh phúc, anh chị thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp.

Về con chung: Hiện con chung đang sống với chị T1, nên cần tiếp tục giao cho chị T1 nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Anh Lâm Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Anh Lâm Văn T phải nộp số tiền 300.000đ, anh T đã dự nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0011248 ngày 09/7/2018 T Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Lâm Văn T được ly hôn với chị Trương Hồng T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Bảo T2, sinh ngày 20/11/2005, hiện đang sống với chị T1. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị T1 đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Anh Lâm Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Anh Lâm Văn T phải nộp số tiền 300.000đ, anh T đã dự nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0011248 ngày 09/7/2018 T Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- Chi Cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N

